TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Nguyễn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐHNGĐ-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Như Y, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Đường TC, khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Bá N, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Đường TC, khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Như Y trình bày:

Chị và anh N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn vì anh Nhay nhắc về quá khứ của

chị, không tôn trọng chị; khi xảy ra cãi vã anh N hay đuổi chị ra khỏi nhà. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh N .

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Trần Trọng H, sinh ngày 12-10-2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị và anh N sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh N có vay tại Ngân hàng N, chi nhánh TN – Phòng giao dịch CM số tiền 450.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 5700LAV 201800794 ngày 26-01-2018. Ngày 16-5-2018 chị Y và anh N đã tất toán khoản vay trên, hiện nay anh chị không còn nợ Ngân hàng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 23-4-2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Bá N trình bày:

Anh và chị Y tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có những lúc do áp lực công việc ở cơ quan và kinh tế gia đình nên anh có những từ ngữ thái quá làm chị Y buồn phiền và trong lúc cãi vã, nóng giận anh có đuổi chị Y ra khỏi nhà. Bản thân anh ý thức được lỗi nên chủ động xin lỗi chị Y và gia đình chị nhiều lần. Anh xin được đoàn tụ vợ chồng và cam kết khắc phục lỗi để vợ chồng chung sống hạnh phúc.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trần Trọng H, sinh ngày 12-10-2015. Nếu ly hôn, anh N đồng ý để chị Y nuôi dưỡng con chung.Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị có vay tại Ngân hàng N, chi nhánh TN – Phòng giao dịch CM số tiền 450.000.000 đồng.

Tại phiên tòa anh N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Như Y đối với anh Trần Bá N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Như Y và anh Trần Bá N.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Trọng H, sinh ngày 12-10-2015 cho chị Trần Như Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Y và anh N tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Như Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Như Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Bá N, do anh N có địa chỉ cư trú tại phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Bá N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Như Y và anh Trần Bá N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NT, thành phố TN vào năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Y và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh N thừa nhận có những lời nói thái quá và đuổi chị Y ra khỏi nhà khi nóng giận. Anh N xin đoàn tụ vợ chồng nhưng không đến tham gia phiên tòa. Hiện nay chị Y xác định không còn tình cảm với anh N cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung Trần Trọng H, sinh 12-10-2015 hiện nay còn nhỏ tuổi; mặt khác anh N đồng ý giao con chung chị Y trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho chị Trần

Như Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Chị Y và anh N tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Y và anh N có vay tại Ngân hàng N, chi nhánh TN – Phòng giao dịch CM số tiền 450.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 5700LAV 201800794 ngày 26-01-2018. Ngày 16-5-2018 chị Y và anh N đã tất toán khoản vay trên, hiện nay không còn nợ tiền của Ngân hàng.

Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chị Trần Như Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Như Y đối với anh Trần Bá N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Như Y và anh Trần Bá N.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Trọng H, sinh ngày 12-10-2015 cho chị Trần Như Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Bá N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Chị Y và anh N tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm**:** Chị Trần Như Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005350 ngày 16-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị Y đã nộp đủ tiền án phí.

5.Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND. TTN;
-VKSND. TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND P. NT;
- Lưu HS, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Như Sơn